



# CHIA SẺ CHI PHÍ: RÀO CẢN HAY TIỀN ĐỀ CHO PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM?

HỘI THẢO CẢI CÁCH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 31/07-01/08/2014

Phạm Hùng Hiệp  
Đại học Văn hoá Trung Hoa, Đài Loan  
Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trần Ngọc Anh  
Đại học Indiana tại Bloomington, Hoa Kỳ

# MỞ ĐẦU (1)

- Quy mô giáo dục đại học Việt Nam: tăng trưởng rất nhanh trong những năm qua → Giáo dục đại học chuyển đổi từ ***tinh hoa*** sang ***đại chúng***
- Vấn đề làm các nhà làm chính sách “***đau đầu***”: cân bằng giữa ***Chất lượng (quality)*** và ***Cơ hội tiếp cận (accessibility)***
- Cơ hội tiếp cận: ***số lượng (quantity) + bình đẳng (equality)***
- Kinh nghiệm thế giới: cần xây dựng hệ thống ***chính sách chia sẻ chi phí hợp lý*** bao gồm: ***trợ cấp nhà nước, học phí, học bổng, tín dụng sinh viên.***

## MỞ ĐẦU (2)

- **Nội dung chính của bài tham luận này:**
  - ✓ Trình bày về **thực trạng chất lượng** và **mức độ mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học Việt Nam** trong bối cảnh so sánh với một số nước trong khu vực
  - ✓ **Các nguyên tắc để chia sẻ chi phí trở thành tiền đề** cho phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam
  - ✓ Gợi ý một **vài cơ chế tín dụng sinh viên mới**

# THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG VÀ CƠ HỘI TIẾP CẬN TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM (1)

- Chỉ số về chất lượng: số lượng Đại học trong Top QS 300 Châu Á

Nước	Số lượng ĐH trong Top QS 300 Châu Á
Cambodia	/
Indonesia	9 (2013)
Malaysia	18 (2013)
Philippines	5 (2013)
Thailand	10 (2013)
Vietnam	3 (2013)

Nguồn: QS University Rankings (2013),

## THỰC TRẠNG ... (2)

- Một số chỉ số về mở rộng quy mô giáo dục đại học

Nước	Số lượng sinh viên trên một vạn dân	Phần trăm số người ở độ tuổi đi học đại học là sinh viên
Cambodia	/	/
Indonesia	169 (2013)	21%(2008)
Malaysia	318 (2013)	32% (2008)
Philippines	/	/
Thailand	308 (2007)	45% (2008)
Vietnam	221 (2013)	26% (2008)

Nguồn: UNESCO (2014), Welch, Banta, & Asian Development Bank (2012) và Asian Development Bank (2009)

# THỰC TRẠNG ... (3)

- Chỉ số về bình đẳng: bất bình đẳng do sự khác biệt về thu nhập

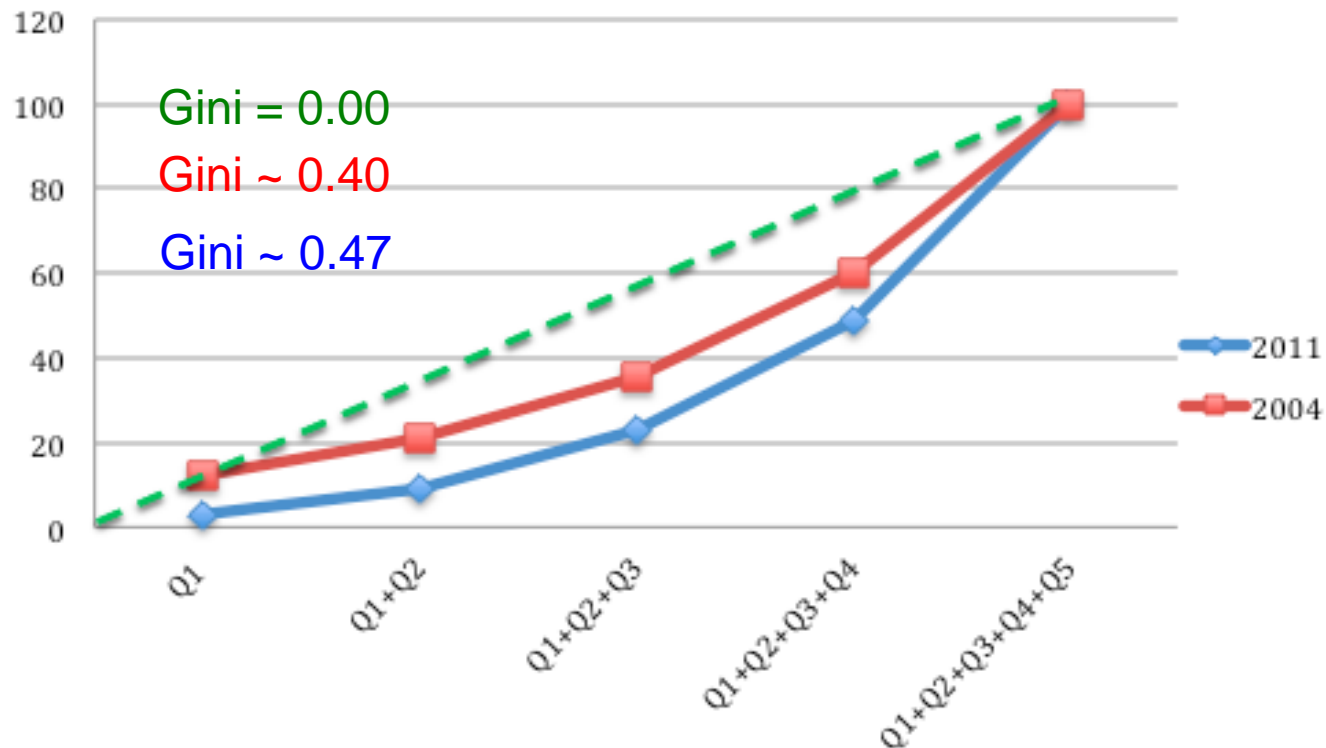
Nước	Chỉ số Gini trong giáo dục đại học
Cambodia	~ 0.61 (2008)
Indonesia	~0.47 (2008)
Malaysia	/
Philippines	~ 0.31 (2008)
Thailand	~ 0.42 (2002)
Vietnam	~ 0.47 (2011)

Nguồn: UNESCO (2014), Welch, Banta, & Asian Development Bank (2012) và Asian Development Bank (2009)

# THỰC TRẠNG ... (4)

- Chỉ số về bình đẳng: bất bình đẳng do sự khác biệt về thu nhập

Hình 2: Đường cong Lorentz thể hiện phần trăm người ở độ tuổi 20-24 đi học đại học ở Việt Nam năm 2004 và 2011 theo ngũ phân vị thu nhập



# THỰC TRẠNG ... (5)

- Chỉ tiêu phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam đến 2020 trong một số văn bản pháp quy gần đây

Văn bản	Chỉ tiêu tổng số sinh viên đến 2020	Chỉ tiêu số lượng sinh viên trên một vạn dân đến 2020
14/2005/NQ-CP (đổi mới căn bản toàn diện GD ĐH)	/	450
121/2007/QĐ-TTg (quy hoạch mạng lưới ĐH)	4.5 triệu	450
579/2011/QĐ-TTg (chiến lược nhân lực)	/	400
2474/2011/QĐ-TTg (chiến lược thanh niên)	/	450
711/2012/QĐ-TTg (chiến lược giáo dục)	/	350-400
37/2013/QĐ-TTg (điều chỉnh quy hoạch mạng lưới)	2.2 triệu	256



# LÀM SAO ĐỂ CHIA SẺ CHI PHÍ TRỞ THÀNH TIỀN ĐỀ THAY VÌ RÀO CẢN CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC?

- 1. Nâng cao chi phí đơn vị*
- 2. Tính toán lại tỷ lệ hợp lý giữa: trợ cấp nhà nước – học phí cho từng loại chương trình/ đối tượng học khác nhau*
- 3. Tỷ lệ đóng góp được xác định ở mục 2 không nhất thiết phải xác định ngay từ năm 1 như hiện nay*
- 4. Nhà nước không cần/nên đầu tư thêm theo cách rót trực tiếp vào các trường theo chỉ tiêu tuyển sinh như hiện nay*
- 5. Phần bù vào chi phí đơn vị tăng thêm tại Mục 1 nên tính vào học phí; nhà nước có chính sách giúp sinh viên làm chậm lại thời gian đóng học phí sinh viên sau khi đã ra trường và có việc làm*

# MỘT VÀI CƠ CHẾ TÍN DỤNG HIỆU QUẢ (1)

- So sánh Tín dụng tùy theo thu nhập (Income contingent loan) và Tín dụng 157

Đối tượng	Tín dụng 157	Tín dụng tùy theo thu nhập
Thời hạn bắt đầu trả nợ	Sau khi tốt nghiệp	Khi thu nhập hàng tháng sau tốt nghiệp vượt quá ngưỡng nhất định
Thời gian trả nợ	Cố định trong một số năm nhất định sau khi tốt nghiệp	Không cố định: bắt đầu từ lúc bắt đầu trả nợ cho đến khi trả hết nợ, phụ thuộc vào thu nhập hàng tháng của người vay
Mức cho vay	Cố định cho mọi đối tượng (hiện nay 1.1 triệu/tháng)	Có thể có nhiều mức khác nhau (có thể bao gồm chi phí sinh hoạt)

# MỘT VÀI CƠ CHẾ ... (2)

- **Tín dụng tùy theo thu nhập (Income contingent loan)**

<b>Đối tượng</b>	<b>Tín dụng 157</b>	<b>Tín dụng tùy theo thu nhập</b>
<b>Đối tượng cho vay</b>	Tất cả sinh viên, không căn cứ trên kết quả học tập, không áp dụng hình thức đánh giá năng lực tài chính (mean-test) của sinh viên	Có thể căn cứ trên kết quả học tập, có thể dùng hình thức đánh giá năng lực tài chính của sinh viên
<b>Lãi suất</b>	0.5%	Không có hoặc lãi suất ưu đãi hoặc lãi suất điều chỉnh theo lạm

Nguồn: Nhóm tác giả chỉnh sửa dựa trên Nguyễn & Phạm (2014) **phát**

# MỘT VÀI CƠ CHẾ ... (3)

- Công thức tính toán định mức cho vay và trả nợ

## *Mức cho vay*

Chương trình 157 = *Mức cho vay (2007) + a\* Lạm phát*

Tín dụng tùy theo thu nhập = *b\* Thu nhập gia đình + c\* Kết quả học tập + d\* Chương trình học + e\* Lạm phát*

# MỘT VÀI CƠ CHẾ ... (3)

- Công thức tính toán định mức cho vay và trả nợ

## *Mức trả nợ*

Chương trình 157 = *Mức trả nợ (tháng) \* (100% + 0.5%)*

Tín dụng tùy theo thu nhập = *f\* Thu nhập sau tốt nghiệp (100% + lãi suất)*

*Với Thu nhập sau tốt nghiệp > ngưỡng tối thiểu*

# MỘT VÀI CƠ CHẾ ... (4)

- **Thuế tốt nghiệp (graduate tax):**
  - ✓ **Tương tự tín dụng tùy theo thu nhập**
  - ✓ Việc trả nợ được thực hiện theo hình thức **trả thêm thuế** sau khi tốt nghiệp và đi làm
- **Hợp đồng vốn nhân lực (human capital contract):**
  - ✓ **Bên cho vay là khu vực tư nhân:** doanh nghiệp/quỹ
  - ✓ Việc trả nợ được thực hiện theo hình thức **trừ thẳng vào lương của người vay**, sau khi tốt nghiệp và đi làm cho bên cho vay hoặc trả nợ thông thường như các cách thức vay vốn khác

# MỘT VÀI CƠ CHẾ ... (5)

- **Một vài lưu ý:**

- ✓ ***Vấn đề thu hồi vốn***

- ✓ ***Hệ thống thu thuế đủ mạnh*** để kiểm soát thu nhập của người vay

- ✓ ***Phòng ngừa rủi ro:*** ví dụ tính đến trường hợp người vay sau khi tốt nghiệp chuyển sang nước khác sinh sống

- ✓ ***Riêng với Hợp đồng vốn nhân lực:*** chính sách hỗ trợ của Nhà nước như thuế ưu đãi; có thể tham khảo mô hình microfinance ở Pakistan

# KẾT LUẬN

- ***Chia sẻ chi phí là giải pháp bắt buộc*** trong bối cảnh giáo dục đại học đại chúng
- ***Để chia sẻ chi phí trở thành tiền đề cho sự phát triển*** của giáo dục đại học, các nhà làm chính sách cần quan tâm đến các vấn đề:
  - ✓ Nâng cao chi phí đơn vị
  - ✓ Tính toán lại tỷ lệ đóng góp hợp lý giữa trợ cấp nhà nước/học phí đối với từng ngành/đối tượng sinh viên khác nhau;
  - ✓ Xây dựng cơ chế tín dụng sinh viên mới thay cho chương trình 157 hiện nay.
- Cần ***xem xét đến sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động***



Xin chân thành cảm ơn  
Q&A



Phạm Hùng Hiệp



Trần Ngọc Anh